

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017

Hà Nội, tháng 01 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Sơn	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Tuấn	Thành viên
Ông Đinh Quang Hào	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nhung	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Hoàng Tuấn Tú	Trưởng ban
Bà Nguyễn Hồng Loan	Thành viên
Bà Nguyễn Lan Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Phạm Thị Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phú Bình	Phó Giám đốc nhà máy
Bà Nguyễn Thị Nhung	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Thị Tuân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 09/01/2018, từ trang 05 đến trang 29 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

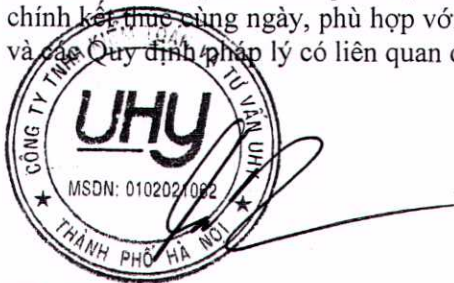
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho

Lê Đức Hạnh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3340-2017-112-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		55.056.180.118	51.719.394.296
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	32.099.561.580	28.318.331.238
Tiền	111		17.099.561.580	13.318.331.238
Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	15.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.160.728.434	3.102.192.644
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	104.560.078	326.655.253
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		891.740.000	76.779.510
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	164.428.356	2.698.757.881
Hàng tồn kho	140		21.292.597.512	19.715.343.855
Hàng tồn kho	141	7	23.908.733.496	19.715.343.855
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.616.135.984)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		503.292.592	583.526.559
Thuế GTGT được khấu trừ	152		503.292.592	583.526.559
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.549.745.660	31.841.536.330
Tài sản cố định	220		31.549.745.660	31.841.536.330
Tài sản cố định hữu hình	221	9	28.040.339.190	28.236.749.168
- Nguyên giá	222		50.276.545.665	48.114.892.943
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.236.206.475)	(19.878.143.775)
Tài sản cố định vô hình	227	10	3.509.406.470	3.604.787.162
- Nguyên giá	228		4.609.713.164	4.609.713.164
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.100.306.694)	(1.004.926.002)
TỔNG TÀI SẢN	270		86.605.925.778	83.560.930.626

M. Phan

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		16.888.677.957	14.458.376.851
Nợ ngắn hạn	310		16.888.677.957	14.458.376.851
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	199.605.903	266.818.870
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.788.118.191	7.743.311.127
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8	33.679.032	134.190.251
Phải trả người lao động	314		4.055.685.086	2.852.648.187
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		76.500.000	74.123.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		111.181.818	44.087.671
Phải trả ngắn hạn khác	319	12	3.105.852.074	956.553.706
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	13	3.219.600.768	1.604.043.954
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.298.455.085	782.600.085
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		69.717.247.821	69.102.553.775
Vốn chủ sở hữu	410	14	69.717.247.821	69.102.553.775
Vốn góp của chủ sở hữu	411		62.909.000.000	62.909.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		62.909.000.000	62.909.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.586.780.000	2.586.780.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		600.000.000	100.000.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.379.600.164	2.879.600.164
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		241.867.657	627.173.611
- LNST chưa phân phối năm trước	421a		241.867.657	-
- LNST chưa phân phối năm này	421b			627.173.611
TỔNG NGUỒN VỐN	440		86.605.925.778	83.560.930.626

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhung



Phạm Thị Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		77.110.360.214	138.896.815.682
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(44.715.178.357)	(102.697.273.077)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(11.072.971.984)	(12.091.904.089)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(1.040.153.860)	(647.487.703)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		148.989.647.417	248.052.275
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(157.470.594.959)	(6.970.761.225)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.801.108.471	16.737.441.863
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.528.638.400)	(4.203.011.452)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		799.410.271	707.870.427
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.729.228.129)	(3.495.141.025)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.290.650.000)	(6.118.475.151)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.290.650.000)	(6.118.475.151)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.781.230.342	7.123.825.687
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	28.318.331.238	21.194.505.551
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	32.099.561.580	28.318.331.238

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Nhung

Nguyễn Thị Nhung

Phạm Thị Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) thành lập theo Quyết định số 8103/QĐ-UB ngày 27/11/2002 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp Dược phẩm Hà Nội thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101337659 đăng ký lần đầu ngày 24/12/2002 và được sửa đổi lần thứ 11 ngày 21/04/2015 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2017 là 62.909.000.000 đồng chia thành 6.290.900 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Văn phòng Công ty tại địa chỉ: 170 Đê La Thành, phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

Chi nhánh Công ty là Nhà máy Dược phẩm Hà Nội: Lô 15 KCN Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty đến ngày 31/12/2017 là 106 người (tại ngày 31/12/2016 là 106 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh thuốc chữa bệnh, phòng bệnh phục vụ sức khỏe cho con người;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Xuất khẩu dược liệu, tinh dầu, dược phẩm, nông lâm sản;
- Nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thuốc thành phẩm, thuốc thực phẩm, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế;
- Cho thuê văn phòng làm việc và kho chứa hàng hóa, nguyên liệu, bao bì, thành phẩm dược phẩm, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế;
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- May trang phục;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Sản xuất kinh doanh dược phẩm chức năng;
- Kinh doanh bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất và kinh doanh thuốc chữa bệnh, phòng bệnh phục vụ sức khỏe cho con người.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất thuốc chữa bệnh theo lô, hoạt động kinh doanh thuốc chữa bệnh và ủy thác nhập khẩu theo các đơn hàng với thời gian ngắn (thông thường dưới 01 tháng).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND); theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

Như *tran*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 48
- Máy móc, thiết bị	06 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 TÀI SẢN VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình bao gồm: Quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian sử dụng (năm)</u>
Quyền sử dụng đất	44 năm
Phần mềm máy vi tính	03 năm

3.7 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

3.9 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Công ty đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả của Công ty phản ánh các khoản Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa, Dự phòng bảo hành công trình xây dựng, Dự phòng trợ cấp thôi việc và Dự phòng phải trả khác.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Như *Tran*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo quy định tại điểm 4 mục IV, phụ lục I và điểm 55 phụ lục II của Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ, Công ty được hưởng các ưu đãi sau (Áp dụng với hoạt động sản xuất kinh doanh thuốc chữa bệnh cho người đạt tiêu chuẩn GMP quốc tế):

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng mức 10% trong 15 năm kể từ ngày đi vào hoạt động kinh doanh (Từ năm 2009 đến năm 2023). Được miễn thuế 04 năm từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.
- Được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án theo các quy định về nhập khẩu máy móc thiết bị.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	653.157	688.831
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.098.908.423	13.317.642.407
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	15.000.000.000
	<u>32.099.561.580</u>	<u>28.318.331.238</u>

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng thương mại TNHH Một thành viên Dầu khí Toàn Cầu – chi nhánh Ba Đình.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	104.560.078	326.655.253
- Công ty TNHH Đức Anh	90.000.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	14.560.078	326.655.253
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
	<u>104.560.078</u>	<u>326.655.253</u>

Mu / wan

CÔNG TY CỔ PHẦN DUỖC PHẨM HÀ NỘI

Số 170 Đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***6. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	164.428.356	-	2.698.757.881	-
- Phải thu người lao động	40.490.000	-	40.490.000	-
- Các khoản trả trước về nhập khẩu ủy thác	-	-	2.643.931.385	-
- Phải thu khác	123.938.356	-	14.336.496	-
Dài hạn	-	-	-	-
	164.428.356	-	2.698.757.881	-

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.138.379.189	(124.862.484)	8.835.244.531	-
Công cụ, dụng cụ	197.938.017	-	249.571.971	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.367.886.808	-	2.613.668.403	-
Thành phẩm	10.204.529.482	(2.491.273.500)	8.016.858.950	-
	23.908.733.496	(2.616.135.984)	19.715.343.855	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	11.699.397.522	11.699.397.522	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	134.190.251	939.642.641	1.040.153.860	33.679.032
- Thuế thu nhập cá nhân	-	382.816.841	382.816.841	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	912.991.293	912.991.293	-
- Các loại thuế khác	-	179.086.725	179.086.725	-
	134.190.251	14.113.935.022	14.214.446.241	33.679.032

Ms. Lan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa	Máy móc	Phương tiện	Thiết bị	TSCĐ HH	Cộng
	vật kiến trúc	thiết bị	vận tải, truyền dẫn	dụng cụ quản lý	khác	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
01/01/2017	22.289.175.270	18.452.005.830	3.396.898.179	211.753.856	3.765.059.808	48.114.892.943
- Mua trong năm	-	2.528.638.400	-	-	-	2.528.638.400
- Thanh lý, nhượng bán	-	(366.985.678)	-	-	-	(366.985.678)
31/12/2017	22.289.175.270	20.613.658.552	3.396.898.179	211.753.856	3.765.059.808	50.276.545.665
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2017	(4.889.982.479)	(11.555.213.523)	(1.685.249.872)	(211.753.856)	(1.535.944.045)	(19.878.143.775)
- Khấu hao trong năm	(508.372.032)	(1.644.936.754)	(345.146.388)	-	(226.593.204)	(2.725.048.378)
- Thanh lý, nhượng bán	-	366.985.678	-	-	-	366.985.678
31/12/2017	(5.398.354.511)	(12.833.164.599)	(2.030.396.260)	(211.753.856)	(1.762.537.249)	(22.236.206.475)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2017	17.399.192.791	6.896.792.307	1.711.648.307	-	2.229.115.763	28.236.749.168
31/12/2017	16.890.820.759	7.780.493.953	1.366.501.919	-	2.002.522.559	28.040.339.190

Tại ngày 31/12/2017, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 6.889.470.369 đồng.

M/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2017	4.578.273.164	31.440.000	4.609.713.164
31/12/2017	<u>4.578.273.164</u>	<u>31.440.000</u>	<u>4.609.713.164</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2017	(973.486.002)	(31.440.000)	(1.004.926.002)
- Khấu hao trong năm	(95.380.692)	-	(95.380.692)
31/12/2017	<u>(1.068.866.694)</u>	<u>(31.440.000)</u>	<u>(1.100.306.694)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2017	<u>3.604.787.162</u>	-	<u>3.604.787.162</u>
31/12/2017	<u>3.509.406.470</u>	-	<u>3.509.406.470</u>

Tại ngày 31/12/2017, nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 31.440.000 đồng.

M. Tran

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI
Số 170 Đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn**
- Công ty Cổ phần Bao bì và Má phanh VIGLACERA
 - Công ty TNHH Bao Bì và Thương mại Đức Thành
 - Công ty TNHH Vinaepoxy Việt Nam
 - Các đối tượng khác
- Các khoản phải trả người bán dài hạn**

		31/12/2017		01/01/2017	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		199.605.903	199.605.903	266.818.870	266.818.870
-	Công ty Cổ phần Bao bì và Má phanh VIGLACERA	23.155.000	23.155.000	-	-
-	Công ty TNHH Bao Bì và Thương mại Đức Thành	49.077.600	49.077.600	-	-
-	Công ty TNHH Vinaepoxy Việt Nam	82.053.000	82.053.000	-	-
-	Các đối tượng khác	45.320.303	45.320.303	266.818.870	266.818.870
Các khoản phải trả người bán dài hạn		-	-	-	-
		199.605.903	199.605.903	266.818.870	266.818.870

Mr. [Signature]

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	3.105.852.074	956.553.706
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.105.852.074	956.553.706
+ Công ty TNHH Kinh doanh Dược Thiên Thành	1.481.475.731	470.971.197
+ Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Hà Minh	898.651.660	204.453.191
+ Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Minh Quân	150.006.282	150.006.282
+ Công ty TNHH Intercontinental Pharma Việt Nam	390.287.428	-
+ Công ty Cổ phần VIDL	100.000.000	-
+ Các đối tượng khác	85.430.973	131.123.036
Dài hạn	-	-
	3.105.852.074	956.553.706

13. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Dự phòng chi phí thẩm định nhà máy (*)	3.219.600.768	1.604.043.954
Dài hạn	-	-
	3.219.600.768	1.604.043.954

(*) Dự phòng chi phí thẩm định nhà máy được trích theo dự toán về các chi phí sửa chữa, nâng cấp máy móc phát sinh để Cục quản lý Dược thẩm định và cấp giấy chứng nhận “Thực hành tốt sản xuất thuốc GMP-WHO”, “Thực hành tốt sản phẩm kiểm nghiệm thuốc GLP và thực hành tốt bảo quản thuốc GSP”. Tổng chi phí dự kiến là 4.800.000.000 đồng được trích cho 3 năm từ 2016 – 2018.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2016	62.909.000.000	95.000.000	1.617.550.889	2.879.600.164	491.877.723	67.993.028.776					
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	7.879.208.900	7.879.208.900					
- Chi Quỹ đầu tư mua sắm tài sản	-	2.491.780.000	(2.491.780.000)	-	-	-					
- Phân phối lợi nhuận	-	-	974.229.111	-	(7.743.913.012)	(6.769.683.901)					
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(6.269.683.901)	(6.269.683.901)					
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)					
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	974.229.111	-	(974.229.111)	-					
31/12/2016	62.909.000.000	2.586.780.000	100.000.000	2.879.600.164	627.173.611	69.102.553.775					
01/01/2017	62.909.000.000	2.586.780.000	100.000.000	2.879.600.164	627.173.611	69.102.553.775					
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	7.405.344.046	7.405.344.046					
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	500.000.000	500.000.000	(7.790.650.000)	(6.790.650.000)					
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(6.290.650.000)	(6.290.650.000)					
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)					
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	500.000.000	-	(500.000.000)	-					
Trích quỹ khác thuộc VCSH 2017	-	-	-	500.000.000	(500.000.000)	-					
31/12/2017	62.909.000.000	2.586.780.000	600.000.000	3.379.600.164	241.867.657	69.717.247.821					

(*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận theo quyết định số 03/QĐ-CT ngày 31/12/2017 của Tổng Giám đốc Công ty nhưng chưa có nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Mr. Kuran

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

14.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	25.163.600.000	25.163.600.000
Bà Dương Thúy Hằng	6.206.210.000	2.626.780.000
Ông Dương Duy Cường	-	3.544.300.000
Bà Nguyễn Thị Nhung	5.057.740.000	5.057.740.000
Vốn góp của các đối tượng khác	26.481.450.000	26.516.580.000
	<u>62.909.000.000</u>	<u>62.909.000.000</u>

14.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	62.909.000.000	62.909.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	62.909.000.000	62.909.000.000
Lợi nhuận đã phân phối	7.790.650.000	7.743.913.012

14.4 CỔ PHIẾU

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.290.900	6.290.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.290.900	6.290.900
+ Cổ phiếu phổ thông	6.290.900	6.290.900
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.290.900	6.290.900
+ Cổ phiếu phổ thông	6.290.900	6.290.900
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

14.5 CÁC QUỸ

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	600.000.000	100.000.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.379.600.164	2.879.600.164

Nm *Phan*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa thành phẩm	69.570.074.220	65.915.816.066
Doanh thu bán nguyên liệu	1.200.000	444.314.577
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.809.826.400	2.345.255.403
Doanh thu khác	115.832.431	239.107.543
	73.496.933.051	68.944.493.589

16. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hàng bán bị trả lại	2.439.947.100	55.584.000
	2.439.947.100	55.584.000

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	48.428.378.358	45.697.557.140
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	3.597.352	406.137.365
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.157.232.854	562.129.066
	49.589.208.564	46.665.823.571

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	967.436.298	586.325.222
	967.436.298	586.325.222

Mu *Phan*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	13.127.426.865	13.720.993.829
Chi phí nhân viên quản lý	8.195.248.167	9.470.276.646
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng	81.934.290	681.621.211
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.742.393.153	1.719.824.942
Thuế phí, lệ phí	156.779.245	-
Chi phí dự phòng	1.146.571.911	549.651.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	605.041.088	1.035.677.623
Chi phí bằng tiền khác	1.199.459.011	263.942.294
Các khoản chi phí bán hàng	1.307.897.821	1.158.528.523
Chi phí nhân viên bán hàng	1.092.814.509	583.953.858
Chi phí khấu hao tài sản cố định	134.366.856	145.078.662
Chi phí bán hàng khác	80.716.456	429.496.003
	14.435.324.686	14.879.522.352

20. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu hồi công nợ phải thu đã xóa sổ (*)	524.200.000	600.000.000
Các khoản khác	-	61.113.960
	524.200.000	661.113.960

(*) Khoản công nợ phải thu Công ty TNHH Dược phẩm Nam Thành đã được xử lý từ năm 2009 bằng nguồn quỹ dự phòng tài chính số tiền: 1.124.200.000 đồng, đến nay đã thu được toàn bộ tổng số tiền là 1.124.200.000 đồng.

Mu *Mad*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.344.986.687	8.591.002.848
Các khoản chi phí không được khấu trừ	775.636.712	413.741.762
- Chi phí không đầy đủ hóa đơn chứng từ	775.636.712	413.741.762
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-	600.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	9.120.623.399	8.158.728.449
- Thu nhập chịu thuế 10%	5.896.546.922	6.461.033.160
- Thu nhập chịu thuế suất hiện hành (*)	3.224.076.477	1.943.711.450
Thuế TNDN phải trả ước tính	589.654.692	417.281.829
- Thuế TNDN mức thuế suất 10%	589.654.692	646.103.316
- Thuế TNDN được miễn giảm với hoạt động kinh doanh chính (giảm 50%)	(294.827.346)	(323.051.658)
- Thuế TNDN mức thuế suất 20%	644.815.295	388.742.290
Chi phí thuế TNDN hiện hành	939.642.641	711.793.948

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	6.905.344.046	7.379.208.900
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	6.290.900	6.290.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.098	1.173

23. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	40.272.324.416	40.294.476.176
Chi phí nhân công	14.204.401.516	14.063.136.058
Khấu hao tài sản cố định	2.820.429.070	3.431.295.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	622.280.651	1.041.677.623
Chi phí bằng tiền khác	2.901.094.257	3.386.098.838
	60.820.529.910	62.216.684.629

Mu *truu*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.13.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.099.561.580	28.318.331.238
Phải thu khách hàng và phải thu khác	228.498.434	326.655.253
	32.328.060.014	28.644.986.491
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	3.305.457.977	1.223.372.576
Chi phí phải trả	76.500.000	74.123.000
	3.381.957.977	1.297.495.576
Trạng thái ròng	28.946.102.037	27.347.490.915

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2017			
Phải trả người bán và phải trả	3.305.457.977	-	3.305.457.977
Chi phí phải trả	76.500.000	-	76.500.000
	3.381.957.977	-	3.381.957.977
01/01/2017			
Phải trả người bán và phải trả	1.223.372.576	-	1.223.372.576
Chi phí phải trả	74.123.000	-	74.123.000
	1.297.495.576	-	1.297.495.576

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Như *Như*

